TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do– Hạnh phúc
Số: 150/2018/QĐST-HNGĐ	*Ba Tri, ngày 30 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phương Tích

2. Bà Huỳnh Thị Bích Vân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: chị Tăng Thị L, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt)

2. *Bị đơn*: anh Nguyễn Hùng V, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2018, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Tăng Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hùng V đám cưới năm 2011, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B ngày 15 tháng 3 năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận. Tuy nhiên, thời gian gần đây giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cự cãi do bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã có ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng không giải quyết được

mâu thuẫn. Từ tháng 02/2018, chị về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh V không tới lui, không điện thoại liên lạc nên chị nhận thấy chị và anh V mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn để tiếp tục cuộc sống chung. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hùng V.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 17/10/2012. Từ khi vợ chồng sống ly thân con chung sống cùng chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không tranh chấp.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Hùng V đến tham gia các phiên họp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải nhưng anh V đều vắng mặt.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Hùng V trình bày:

- Về hôn nhân: chị L đã kiên quyết ly hôn, không đồng ý hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn với chị Tăng Thị L.

- Về con chung: anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 17/10/2012, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không tranh chấp

- Về nợ chung: không có.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nhận thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy, tại phiên tòa hai bên thuận tình ly hôn và thỏa thuận để cháu T cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chị L tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung không tranh chấp, về nợ chung không có . Do đó, căn cứ vào Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên.

Từ các lời trình bày trên:

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và sự thỏa thuận của các bên tại phiên tòa sơ thẩm.

Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm chị L và anh V đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử công nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 213, 246 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tăng Thị L và anh Nguyễn Hùng V. Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01/2011, ngày 15/3/2011 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Về con chung: chị Tăng Thị L có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 17/10/2012. Ghi nhận chị Tăng Thị L tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Hùng V cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Hùng V có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3 Về tài sản chung: không tranh chấp.

4. Về nợ chung: không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Tăng Thị L đồng ý nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0015902 ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Phương Nhi